

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo:	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
Trình độ đào tạo:	Đại học
Loại hình đào tạo:	Chính quy
Thời gian đào tạo:	4 năm
Văn bằng:	Cử nhân
Khóa đào tạo:	Khóa 21 (2025 - 2029)
Tổng số tín chỉ tích lũy toàn khoá:	126

Các học phần () không tính trung bình chung tích lũy vào kết quả học tập.*

HỌC KỲ 1: 2 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 2, tự chọn: 0)					
Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Tiết lý thuyết	Tiết thực hành
Học phần bắt buộc		2			
CB70107	Hiểu biết về DNTU*	1	15	15	0
TN70020	Nhập môn AI*	1	15	15	0
TA70301	Key English 1*	3	45	45	0
TA70302	Key English 2*	3	45	45	0
TA70303	Key English 3*	3	45	45	0
TA70304	English Speaking Community*	2	30	30	0
CB70303	Kỹ năng nói trước công chúng	1	15	15	0
LG70016	Giới thiệu ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	1	15	15	0
HỌC KỲ 2: 22 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 22, tự chọn: 01)					
Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Tiết lý thuyết	Tiết thực hành
Học phần bắt buộc		22			
CB70101	Triết học Mác - Lênin	3	45	45	0
TA70305	Intensive English 1	4	60	60	0
CB70201	Toán kinh tế	3	45	45	0
CB70304	Kỹ năng quản lý cảm xúc	1	15	15	0
TH70001	Tin học 1	2	45	15	30
QT70002	Kinh tế học	3	45	45	0
QT70003	Nguyên lý Quản trị	3	45	45	0
QT70004	Nguyên lý Marketing	3	45	45	0

CB71401	Bơi lội *	1	30	0	30
CB70401	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 *	3	45	45	0
CB70402	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 *	2	30	30	0
CB70403	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3 *	1	30	0	30
CB70404	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4 *	2	60	0	60
Học phần tự chọn (Chọn 2 trong 8 học phần)					
CB71412	Bóng đá *	1	30	0	30
CB71403	Bóng chuyền *	1	30	0	30
CB71404	Cầu lông *	1	30	0	30
CB71410	Pickleball *	1	30	0	30
CB71413	Fitness *	1	30	0	30
CB71406	Dancesport *	1	30	0	30
CB71407	Bóng rổ *	1	30	0	30
CB71414	Võ thuật *	1	30	0	30
HỌC KỲ 3: 22 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 20, tự chọn: 02)					
Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Tiết lý thuyết	Tiết thực hành
Học phần bắt buộc		20			
CB70102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	30	0
CB70106	Pháp luật đại cương	2	30	30	0
TA70306	Intensive English 2	4	60	60	0
CB70205	Thống kê ứng dụng	3	45	45	0
CB70305	Kỹ năng giao tiếp và tạo dựng quan hệ	2	30	30	0
TH70002	Tin học 2	2	60	0	60
KT70101	Nguyên lý kế toán	3	45	45	0
LG70003	Quản trị logistics	2	30	30	0
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 2 học phần)		2			
CB71101	Môi trường và Phát triển bền vững	2	30	0	0
CB71102	Tâm lý học hành vi	2	30	0	0
HỌC KỲ 4: 18 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 16, tự chọn: 02)					
Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Tiết lý thuyết	Tiết thực hành

Học phần bắt buộc		16			
CB70103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30	0
TA70307	Intensive English 3	4	60	60	0
CB70306	Kỹ năng đàm phán, thương lượng	2	30	30	0
QT70005	Pháp luật về kinh doanh	3	45	45	0
CB70206	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	30	0
QT70009	Quản trị chuỗi cung ứng	3	45	45	0
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)		2			
CB71104	Kinh tế xanh và phát triển bền vững	2	30	0	0
CB71105	Văn hóa và Âm nhạc dân tộc VN	2	30	0	0
CB71106	Lịch sử văn minh thế giới	2	30	0	0
HỌC KỲ 5: 21 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 15, tự chọn: 06)					
Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Tiết lý thuyết	Tiết thực hành
Học phần bắt buộc		15			
CB70104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30	0
CB70105	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	30	0
TA70308	Intensive English 4	4	60	60	0
LG70002	E-logistics	2	30	30	0
LG70004	Quản trị chiến lược Logistics	3	45	45	0
LG70005	Quản trị trung tâm phân phối	2	30	30	0
Học phần tự chọn (Chọn 2 trong 4 học phần)		6			
QT71001	Trách nhiệm xã hội	3	45	45	0
LG71001	Địa lý vận tải	3	45	45	0
LG71002	Tổ chức khai thác ga, cảng	3	45	45	0
LG71003	Phát triển nghề nghiệp trong lĩnh vực Logistics và chuỗi cung ứng	3	45	45	0
HỌC KỲ 6: 23 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 23, tự chọn: 0)					
Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Tiết lý thuyết	Tiết thực hành
Học phần bắt buộc		23			

LG70006	Quản trị dự án Logistics và chuỗi cung ứng	3	60	30	30
LG70007	Kinh tế vận tải & Logistics	3	60	30	30
LG70008	Thực tập chuyên ngành	3	90	0	0
QT70013	Quản trị vận hành	3	45	45	0
LG70009	Vận tải đa phương thức	3	45	45	0
LG70010	Kho bãi & Xử lý vật liệu (quản lý kho hàng)	3	45	45	0
LG70011	Logistics quốc tế	3	45	45	0
CB70308	Kỹ năng tư duy phản biện	2	30	30	0
HỌC KỲ 7: 10 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 4, tự chọn: 06)					
Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Tiết lý thuyết	Tiết thực hành
Thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp		4			
LG70012	Thực tập tốt nghiệp	4	120	120	0
Học phần tự chọn (Chọn 2 trong 5 học phần)		6			
LG71004	Quản trị mua hàng	3	60	30	30
QT71011	Nghiệp vụ hải quan	3	60	30	30
QT71012	Nghiệp vụ ngoại thương	3	60	30	30
LG71005	Bảo hiểm vận tải	3	60	30	30
LG71006	Logistics hàng không	3	45	45	0
HỌC KỲ 8: 8 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 0, tự chọn: 8)					
Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Tiết lý thuyết	Tiết thực hành
Khóa luận tốt nghiệp		8			
LG70013	Khóa luận tốt nghiệp	8	120	120	0
Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp		8			
LG70014	Quản trị đổi mới trong kinh doanh logistic và chuỗi cung ứng	4	90	30	60
LG70015	Thiết kế mô hình kinh doanh logistics và chuỗi cung ứng	4	90	30	60